TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/ HNGĐ-PT
Ngày: 20/11/2018
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Hà Thảo Quyên.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thùy Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20/11/2018, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 45/2018/TLPT-HNGĐ ngày 23/10/2018 về việc "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình số 53/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐ-PT, ngày 01/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Quốc S, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Quốc S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh chị.

Sau khi kết hôn, chị và anh S sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm lo cho gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng tính tình anh S không thay đổi. Chị và anh S không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau, chị và anh S không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 13/12/2014. Hiện nay, cháu T và cháu V đang sinh sống với chị H. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có.

Về nợ chung: Chị H xác định không có.

Về án phí: Chị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Quốc S được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh S vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh S đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại bản án sơ thẩm số 53/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Quốc S.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 13/12/2014 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Quốc S.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) *đồng* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 (*ba trăm ngàn*) *đồng* tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000272 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí. Chị H đã nộp đủ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị số 267/QĐ/KNPT-P9 yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và cách tuyên về phần tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng nghị: Về áp dụng pháp luật, chị H và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đăng ký kết hôn năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật tại thời điểm hôn nhân được xác lập) là thiếu. Về tài sản chung, nợ chung, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập được ý kiến của bị đơn nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên không có là chưa đủ cơ sở vững chắc. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và cách tuyên phần tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trong hạn luật định, đã được gửi cho các đương sự và Tòa án đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng nghị:

Về áp dụng pháp luật: Chị Trần Thị H và anh Lê Quốc S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đăng ký kết hôn năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật tại thời điểm hôn nhân được xác lập) để giải quyết mà lại áp dụng các quy định khác của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đúng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị H khai về tài sản chung, nợ chung không có. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh S vắng mặt nên chưa thu thập được ý kiến của anh S về yêu cầu khởi kiện của chị H. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để xác định vợ chồng chị H, anh S không có tài sản chung, không có nợ chung. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về tài sản chung, nợ chung không có là

chưa có căn cứ. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 87/2018/QĐ-SCBSBA ngày 11/7/2018 nhưng quyết định sửa chữa, bổ sung không tuân thủ các quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và cách tuyên. Cụ thể: Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; về tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Quốc S.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 30/4/2005 và cháu Lê Ngọc V, sinh ngày 13/12/2014 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi. Tạm thời anh Lê Quốc S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Quốc S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Khi cần thiết, chị Trần Thị H và anh Lê Quốc S được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hđã nộp theo biên lai thu số 000272 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được trừ vào tiền án phí chị Trần Thị H phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Xuân Lộc;
- Chi cục THADS H. Xuân Lộc;
- Đương sự ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Bá Nhu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thảo Quyên **Phan Thị Thu Hương** **Nguyễn Bá Nhu**